

Bản án số: 40/2022/HS-PT

Ngày: 07-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2021/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 tháng 2021 do có kháng cáo của bị cáo Phan Minh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2021/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị cáo kháng cáo: **Phan Minh T**, sinh năm 1994 tại Bến Tre, giới tính: Nam; nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bến Tre; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lái xe; họ tên cha: Vô danh; con của bà Đoàn T1, sinh năm 1970 (sống); có 01 người anh ruột, sinh năm: 1992; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/3/2021 đến ngày 27/8/2021 thay thế biện pháp tạm giam bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Ngoài ra, còn có bị cáo Phạm Đình K không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, không triệu tập.

Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo hoặc không liên quan đến kháng cáo không triệu tập đến phiên tòa:

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty TNHH Dịch vụ & Du lịch G CAR. Địa chỉ trụ sở: Số 131 đường TL28, phường L, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Ông Đặng Tuấn V, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 304 lô B, chung cư S, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1987.

3. Bà Trần Thị K1, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Số 227/24 P, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1978.

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1969.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3 năm 2021, bị cáo Phan Minh T có quen biết người thanh niên tên T3 (chưa xác định nhân thân lai lịch), bị cáo T nhờ T3 giới thiệu xin việc làm, T3 nói bị cáo T đi vận chuyển thuốc lá điều nhập lậu từ chợ M1, xã Q, huyện Đ1, tỉnh Long An về giao cho T3 ở khu Công nghiệp Đ2. Mỗi chuyến, T3 trả cho bị cáo T 1.500.000 đồng tiền công, bị cáo T đồng ý. Để thực hiện việc vận chuyển, bị cáo T liên hệ với bị cáo Phạm Đình K đi cùng để phụ giúp chất thuốc lá điều nhập lậu lên và xuống xe, bị cáo T trả cho bị cáo K 300.000 đồng mỗi chuyến, bị cáo K đồng ý.

Đến 14 giờ ngày 13/3/2021, T3 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển số 61A-339.57 đến nhà trọ của bị cáo T ở phường A1, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh giao xe cho bị cáo T và số tiền công vận chuyển thuốc lá ngoại 3.000.000 đồng (02 chuyến) để bị cáo T cùng với bị cáo K đi vận chuyển thuốc lá ngoại cho T3. Đến 03 giờ ngày 14/3/2021, bị cáo T điều khiển xe ô tô 61A-339.57 chở bị cáo K đi từ nhà trọ của bị cáo T lên khu vực bãi đất trống gần chợ M1 để nhận thuốc lá điều nhập lậu. Đến nơi, bị cáo T và bị cáo K dừng xe đợi khoảng 10 phút thì có 02 nam thanh niên chạy xe mô tô chở đến giao 08 bao nilon chứa thuốc lá ngoại gồm 04 bao chứa thuốc hiệu Jet và 04 bao chứa thuốc hiệu Hero (mỗi bao nilon chứa 600 bao thuốc lá), tổng cộng là 4.800 bao thuốc lá điều nhập lậu chất lên xe ô tô 61A-339.57. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe ô tô chở bị cáo K cùng thuốc lá điều nhập lậu chạy về khu Công nghiệp Đ2 giao cho 01 người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch, đi trên xe bán tải màu xám (không rõ biển số), bị cáo T cùng bị cáo K rinh thuốc lá ngoại từ trong xe ô tô 61A-339.57 chất qua xe ô tô bán tải. Sau khi giao thuốc lá xong thì bị cáo T và bị cáo K điều khiển xe ô tô 61A-339.57 ghé quán ăn ven đường ăn uống và nghỉ ngơi. Đến 06 giờ cùng ngày, bị cáo T tiếp tục điều khiển xe ô tô 61A-339.57 chở bị cáo K lên chợ M1 để nhận thuốc lá ngoại, lần này thì 02 người đàn ông giao thuốc lá điều nhập lậu cho bị cáo T (lúc sáng) đi xe mô tô chở đến giao 12 bao nilon thuốc lá ngoại gồm 06 bao nilon chứa thuốc hiệu Jet và 06 bao nilon chứa thuốc hiệu Hero (mỗi bao nilon chứa 600 bao thuốc lá), tổng cộng là 7.200 bao thuốc lá điều nhập lậu đến chất lên xe ô tô 61A-339.57. Bị cáo T điều khiển xe ô tô chở bị cáo K cùng thuốc lá ngoại chạy về khu Công nghiệp Đ2, đến 08 giờ cùng ngày, khi bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo K cùng số thuốc lá điều nhập lậu trên đến đường số 11, khu công nghiệp Đ2 thì bị đội Quản lý thị trường số 1,

khu vực Đ - Đ1 bắt quả tang, sau đó giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ điều tra, xử lý.

Vật chứng tạm giữ quả tang gồm có: 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển số 61A-339.57, số máy: G4FGGH630917, số khung: 41A6GC092685; 7.200 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm: 3.600 bao thuốc lá ngoại nhãn hiệu Jet, 3.600 bao thuốc lá ngoại nhãn hiệu Hero; số tiền: 2.500.000 đồng; 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biển số 61A-339.57.

Tại công văn số 57/CV-2021 HHTLVN ngày 17/3/2021 của Hiệp hội thuốc lá Việt Nam xác định mẫu thuốc lá nhãn hiệu Hero, Jet do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An cung cấp là thuốc lá điều nhập lậu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2021/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phan Minh T phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

Xử phạt bị cáo Phan Minh T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2021 đến ngày 27/8/2021.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Đình K phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

Xử phạt bị cáo Phạm Đình K 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2021 đến ngày 25/8/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, thi hành án đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, bị cáo Phan Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị cáo Phan Minh T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Vận chuyển hàng cấm" là đúng, không oan. Do bị cáo nhận thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là nặng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Bị cáo Phan Minh T kháng cáo đúng thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo Phan Minh T tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Minh T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Bị cáo Phan Minh T phạm tội 02 lần, đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phan Minh T tự thú, luôn thành khẩn khai báo, đã nộp lại tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Phan Minh T là đúng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không có bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, nên yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Minh T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2021/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ về hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Phan Minh T kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị cáo Phan Minh T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Khoảng 6 giờ ngày 14 tháng 3 năm 2021, bị cáo Phan Minh T và bị cáo Phạm Đình K có hành vi điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu trắng, số khung:

41A6GC092685, số máy: G4FGGH630917, biển số: 61A-339.57 vận chuyển 7.200 bao (gói) thuốc lá điều ngoại nhập lậu cho người tên T3 từ chợ M1, xã Q, huyện Đ1, tỉnh Long An về khu công nghiệp Đ2 thuộc ấp 3B, xã H1, huyện Đ, tỉnh Long An tiêu thụ, bị cáo T hưởng tiền công 1.500.000 đồng một chuyến, bị cáo K hưởng 300.000 đồng một chuyến. Khi bị cáo T điều khiển xe ô tô biển số: 61A-339.57 chở bị cáo K cùng thuốc lá chạy về khu công nghiệp Đ2, huyện Đ, tỉnh Long An thì bị lực lượng Đội quản lý thị trường số 1 Khu vực Đ, Đ1 bắt quả tang, tạm giữ người và vật chứng vụ án. Trong quá trình điều tra, bị cáo T và bị cáo K khai nhận khoảng 03 giờ sáng cùng ngày cũng với phương thức và thủ đoạn nêu trên đã vận chuyển trót lọt cho T3 4.800 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu (2.400 bao hiệu Jet, 2.400 bao hiệu Hero). Đến chuyến thứ hai thì bị bắt quả tang. Cả hai lần vận chuyển bị cáo T và bị cáo K đã nhận được tiền công vận chuyển. Như vậy, hành vi của bị cáo Phan Minh T và bị cáo Phạm Đình K đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Minh T: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Bị cáo Phan Minh T thực hiện 02 lần hành vi phạm tội, thuộc trường hợp “Phạm tội hai lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phan Minh T tự thú, luôn thành khẩn khai báo, đã nộp lại tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự về quản lý kinh tế, làm xáo trộn và gây nguy hại đến nền kinh tế trong nước, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường và ổn định kinh tế quốc gia, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Đối với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là đúng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo có trình bày là hoàn cảnh gia đình của bị cáo có khó khăn, nhưng bị cáo không có chứng cứ gì chứng minh. Bị cáo kháng cáo nhưng không bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Do đó, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 108/2021/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ về mức hình phạt đối với bị cáo Phan Minh T như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Phan Minh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Minh T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2021/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về hình phạt của bị cáo Phan Minh T.

Tuyên bố bị cáo Phan Minh T phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 191; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Minh T 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày thi hành án, nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2021 đến ngày 27/8/2021.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phan Minh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng